

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/DS-ST
Ngày: 02-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 375/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2023/QĐXXST-DS ngày 09/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2023/QDST-DS ngày 06/7/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị C Đ, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Anh Thạch K, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị C Đ trình bày và yêu cầu:

Chị có tham gia góp dây hui khai ngày 03/02/2020 (dl) do chị Thạch Thị S, anh Thạch K làm đầu thảo hui. Hình thức tham gia góp hui được thỏa

thuận như sau: Loại hui 5.000.000 đồng có 15 phần, kỳ mở hui đầu tiên vào ngày 03/02/2020 (dl) sau đó 01 tháng khai 01 lần, hình thức lĩnh hui là thành viên trong dây hui bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hui là sau khi đã mở hui thì đầu thảo đi gom tiền của hui viên sau đó giao tiền tại nhà hui viên được lĩnh hui. Mỗi người lĩnh hui thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 1.500.000 đồng/lần hốt. Chị tham gia mỗi dây 01 phần ở các dây số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 12 lấy tên trong danh sách hui là “Đ”. Cụ thể đã đóng hui sống như sau:

Dây số 1 chị đóng hui sống đầy đủ từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 8.720.000 đồng; Dây số 2 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 8.440.000 đồng; Dây số 3 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 7.890.000 đồng; Dây số 4 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 7.750.000 đồng; Dây số 5 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 8.610.000 đồng; Dây số 6 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 7.470.000 đồng; Dây số 7 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 7.360.000 đồng; Dây số 9 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 7.250.000 đồng; Dây số 10 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 7.340.000 đồng; Dây số 12 chị đóng hui sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 4 bằng số tiền 8.440.000 đồng. Tổng cộng số tiền hui sống chị đã đóng là 78.270.000 đồng, sau khi úp hui đầu thảo không hoàn trả số tiền này, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch K phải trả số tiền hui sống đã đóng bằng 78.270.000 đồng, không yêu cầu tính lãi hui.

Bị đơn chị Thạch Thị S trình bày: Chị thừa nhận có tổ chức khai dây hui ngày 03/02/2020 dl loại hui 5.000.000 đồng mà chị C Đ khởi kiện, tuy nhiên sau khi úp hui thì giữa chị và chị C Đ có thỏa thuận số tiền hui chị còn nợ chị C Đ là 70.000.000 đồng không phải 78.270.000 đồng như chị C Đ trình bày. Ngoài ra chị còn tham gia các dây hui khác do chị C Đ làm đầu thảo chưa tính toán cân trừ với nhau xong nên chị không đồng ý trả tiền cho chị C Đ. Chị không đồng ý việc chị C Đ kiện chồng của chị là Thạch K và anh K không liên quan đến việc chị tổ chức khai hui.

Đối với bị đơn anh Thạch K sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng anh K không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó Tòa án lập biên bản vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Thạch Thị C Đ có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Thạch Thị S và anh Thạch K vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ

án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị C Đ, buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch K phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị C Đ số tiền hụi sống ở các dây hụi trên là 78.270.000 đồng. Chị C Đ không yêu cầu tính lãi hụi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc chị S, anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Thạch Thị C Đ khởi kiện chị Thạch Thị S, anh Thạch K phải trả số tiền hụi sống đã đóng, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”. Bị đơn cư trú tại Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa chị Thạch Thị S, anh Thạch K vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa chị nguyên đơn chị C Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị S, anh K vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Chị C Đ yêu cầu chị S, anh K phải trả tổng số tiền hụi sống 78.270.000 đồng đã đóng ở các dây số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 12 hụi khai cùng ngày 03/02/2020 (dl) loại hụi 5.000.000 đồng do chị S anh K làm đầu thảo hụi. Đối với chị Thạch Thị S sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã sao gửi toàn bộ các tài liệu chứng cứ có liên quan đến dây hụi để chị S có ý kiến trình bày hoặc phản bác lại yêu cầu khởi kiện của chị C Đ cũng như các tài liệu chứng cứ mà chị C Đ đã giao nộp. Tại biên bản ngày 15/3/2023 chị S thừa nhận chị có tổ chức khai dây hụi ngày 03/02/2020 dl

loại hụi 5.000.000 đồng như chị C Đ khởi kiện, tuy nhiên chị cho rằng sau khi úp hụi chị và chị C Đ có thỏa thuận số tiền hụi chị còn nợ chị C Đ trong tất cả các dây hụi là 70.000.000 đồng, không phải như chị C Đ trình bày, do chị và chị C Đ chưa tính toán xong các dây hụi chị tham gia của chị C Đ làm đầu thảo nên không đồng ý trả số tiền này.

[4] Căn cứ vào các tài liệu chứng do Tòa án thu thập được là các văn bản trình bày ý kiến của các hụi viên tham gia góp dây hụi ngày 03/02/2020 dl của chị S cũng như kết quả xác minh các hụi viên xác nhận chị Thạch Thị S có tổ chức khui dây hụi ngày 03/02/2020 dl, loại hụi 5.000.000 đồng có 15 phần, về thời gian khui hụi, hình thức tham gia góp hụi, hốt hụi như chị C Đ trình bày là đúng, đồng thời xác nhận các dây hụi số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 chị C Đ có tham gia mỗi dây 01 phần được đầu thảo ghi tên trong danh sách hụi là “Đa”, các dây hụi này chị S có tổ chức khui hụi từ lần thứ 1 đến lần khui thứ 4, hụi úp đồng loạt ở lần khui thứ 5 (ở các bút lục 55, 56, 57). Đối với lời trình bày chị S không đồng ý trả tiền hụi sống cho chị C Đ lý do còn nhiều dây hụi khác giữa chị và C Đ chưa tính toán xong, để đảm bảo giải quyết vụ án được toàn diện đầy đủ, Tòa án nhân dân huyện T đã ra văn bản yêu cầu chị S trình bày rõ về việc tham gia góp hụi và hốt hụi nêu trên, cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, thông báo về việc nộp đơn yêu cầu phản tố đối với các dây hụi chị C Đ còn nợ như chị S trình bày nhưng chị S, anh K bỏ mặc không quan tâm; Thông báo đôi chất để làm rõ các dây hụi hai bên tham gia với nhau nhưng chị S, anh K vắng mặt không có lý do. Do đó lời nại ra của chị S là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Đối với bị đơn anh Thạch K mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng Tòa án cũng đã có sao gửi toàn bộ chứng cứ để anh có ý kiến hoặc phản hồi đối với yêu cầu của chị C Đ nhưng anh K không có ý kiến. Chị S và anh K là vợ chồng, việc chị S tổ chức chơi hụi có tiền huê hồng là nhằm để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc chị S và anh K phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị C Đ số tiền hụi sống.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị C Đ, buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch K phải trả số tiền hụi sống đã đóng là 78.270.000 đồng. Chị C Đ không yêu cầu tính lãi hụi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị Thạch Thị C Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị C Đ.

2. Buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Thạch Thị C Đ số tiền hụi sống là 78.270.000 đồng (trong đây hụi khui ngày 03/02/2020 (dl) loại hụi 5.000.000 đồng có 15 phần ở đây số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 do chị Thạch Thị S làm đầu thảo hụi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị S, anh Thạch K phải chịu số tiền 3.913.500 đồng.

Hoàn trả cho chị Thạch Thị C Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.956.750 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0014382 ngày 07/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

